

Bản án số: 64/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 22 - 8 - 2023.

"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Phương Đông.

Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Bích T, sinh năm 1998; địa chỉ HKTT: Số X, ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số X, ấp T, thị trấn L, huyện M, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Trường G, sinh năm 1987; địa chỉ: Số X, ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 12/6/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị Bích T trình bày: Vào năm 2016, bà Hà Thị Bích T và ông Lê Trường G chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện M, tỉnh An Giang vào ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn ông Lê Trường G và bà Hà Thị Bích T sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Hà Thị Bích T và ông Lê Trường G không chung sống từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong quá trình chung sống ông Lê Trường G và bà Hà Thị Bích T có hai người con chung tên Lê Hà Mi K, sinh ngày 19/9/2017 và

Lê Trí C, sinh ngày 23/5/2021. Hiện con chung đang sống với ông G. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Hà Thị Bích T yêu cầu ly hôn với ông Lê Trường G; nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho ông G và không bà T không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên bà T không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Lê Trường G: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông G, nhưng ông G không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông G 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông G vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Lê Trường G đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Lê Trường G chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Hà Thị Bích T và ông Lê Trường G đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; giao con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà T không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/4/2023, nguyên đơn bà Hà Thị Bích T trình bày: Vào năm 2016, bà Hà Thị Bích T và ông Lê Trường G chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện M, tỉnh An Giang vào ngày 30/12/2016. Bà T yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Trường G và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên yêu cầu gì. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Lê Trường G hiện đang cư trú tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Lê Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông G.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị Bích T thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung: Bà T giao cháu Lê Hà Mi K, sinh ngày 19/9/2017 và Lê Trí C, sinh ngày 23/5/2021 cho ông Lê Trường G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; Bà Hà Thị Bích T không cấp dưỡng cho con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Hà Thị Bích T và ông Lê Trường G tự nguyện kết hôn và được UBND thị trấn L, huyện M, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 128, ngày 30/12/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung ông bà luôn xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã qua lại, mâu thuẫn kéo dài từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, bất hòa. Ông G và bà T đã sống ly thân với nhau đầu năm 2023 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì ông G và bà T có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông G và bà T đoàn tụ với nhau nhưng ông G vẫn vắng mặt và bà T vẫn kiên quyết ly hôn với ông G vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông G và bà T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông G.

[6] Về con chung: Bà Hà Thị Bích T xác định trong thời gian chung sống, bà T và ông G có 02 người con chung là Lê Hà Mi K, sinh ngày 19/9/2017 và Lê Trí C, sinh ngày 23/5/2021, hiện đang sống chung với ông G; bà T nhường quyền nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên cho ông G. Xét thấy, từ khi bà T và ông G không sống chung với nhau cho đến nay cháu K và cháu C do ông G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K và cháu C, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu K và cháu C cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Hà Thị Bích T mà không ai được cản trở.

[7] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Hà Thị Bích T không cấp dưỡng cho con chung và phía gia đình ông Lê Trường G không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thị Bích T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Lê Trường G không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Hà Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Trường G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Bích T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Trường G.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Hà Mi K, sinh ngày 19/9/2017 và Lê Trí C, sinh ngày 23/5/2021 cho ông Lê Trường G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; Bà Hà Thị Bích T không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Hà Thị Bích T mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thị Bích T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông Lê Trường G không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010006 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Hà Thị Bích T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Trường G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND thị trấn Mỹ Lương;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh